TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày: 02-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi - Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam Huyện K.

2. Bà Võ Thị Cảnh - Cán bộ hưu trí thị trấn N, Huyện K.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Thông báo về việc chuyển ngày, giờ xét xử vụ án hình sự 19/2021/TB-TA ngày 01 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Đặng Xuân C, sinh năm 1994 tại Diễn Ngọc, Diễn Châu, Nghệ An; Nơi thường trú: Tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện K, tỉnh Gia Lai; Quê quán: Xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Con ông Đặng Xuân L (đã chết) và bà Hồ Thị H, có vợ là Trương Thị Th, có 01 con.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 24/02/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đình Đ, sinh năm 1996 tại Kỳ Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An. Nơi thường trú: Thôn 1, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án: 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; con ông Lê Đình T (đã chết) và bà Trần Thị Th2. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị truy nã và bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 25/8/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Duy Ph, sinh năm 1995 tại Tư Nghĩa, Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; con ông Võ Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim

L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn Q, sinh ngày 17/5/1999, tại Yên Thế, Bắc Giang; nơi thường trú: Thôn 1, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; con ông Phạm Văn Q2 và bà Lý Thị Nh. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 25/01/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Hoàng Ngọc A1, sinh năm 1993 tại Kbang, Gia Lai, nơi thường trú: Thôn 1, xã Ng2, huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; con ông Nguyễn Xuân Đ và bà Hoàng Thị Th, có vợ là Cao Thị Tr, có 01 con.

Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 11/3/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) Lâm nghiệp H;

Đại diện theo Ph luật: Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1969 - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp H.

Địa chỉ: Tổ 2, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Hữu Th1 (tên gọi khác: Chút), sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 1, xã Ngh2, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Anh Phan Tấn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Châu Thành, xã Y, huyện Y2, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Chị Hà Thị H5, sinh năm 1990; địa chỉ: Làng Klếch, xã Kr, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.
- Bà Hoàng Thị T5, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 1, xã Ngh2, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Anh Nguyễn Công N2 (tên gọi khác: Nam A), sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Anh Đinh Br (tên gọi khác: Ba Ph), sinh năm 1998; địa chỉ: Làng Klếch, xã Kr, huyện K, tỉnh Gia Lai;
- Anh Đinh Đ3, sinh năm 1997; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Anh Đinh T2, sinh năm 2005; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đinh T2: Ông Đinh Bl, sinh năm 1981 và bà Đinh Y D, sinh năm 1983; địa chỉ: Làng Đăk Jong, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đinh T3, sinh năm 2000; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Anh Đinh T4, sinh năm 2000; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh

Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đinh Th3, sinh năm 2000; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Đinh Văn H3, sinh năm 2007; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Đinh Văn H3: Ông Đinh L1 và bà Đinh D1; địa chỉ: Làng Đăk Jong, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đinh Ph1, sinh năm 2000; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đinh H4, sinh năm 1999; địa chỉ: Làng Đăk Jông, xã H, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Đặng Phi Kh, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Chị Võ Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Duy N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 2, xã Đăksmar, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020 Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã 04 lần thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép tại lô 8, khoảnh 8, tiểu khu 137 và lô 21, khoảnh 3, tiểu khu 138 Lâm phần do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHHMTV) Lâm nghiệp H quản lý thuộc địa giới hành chính xã H, huyện K. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào đầu tháng 11/2020, trong lúc uống rượu cùng Lê Đình Đ tại nhà, C đã nảy sinh ý định vào khu vực Dốc đá, thuộc lâm phần do Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý để khai thác gỗ trái phép bán kiếm tiền tiêu xài. C nói với Đ: "*Tao biết khu vực Dốc đá có mấy cây gỗ Mít nài, anh em mình lên cắt về bán kiếm tiền*." Nghe vậy, Đ đồng ý và nói: "*Anh cho em đi theo với.*", C tiếp tục gọi điện thoại cho T (chưa xác minh được nhân thân lai lịch) hỏi có mua gỗ Mít nài không thì T nói có. Sáng hôm sau, C điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81H7-9036 chở Đ mang theo 01 balan và 01 cưa xăng nhãn hiệu STIHL do C chuẩn bị lên khu vực Dốc đá ngoài Trạm kiểm lâm Vườn Kon Ka Kinh. Đến nơi, C dẫn Đ đi bộ lên rừng tới 02 cây gỗ Mít nài còn đứng, lá tươi, 01 cây đường kính gốc 85cm (cây số 16 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021), 01 cây đường kính gốc 48cm (cây số 18 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021). C dùng cưa xăng cắt hạ 02 cây gỗ Mít nài trên ngã đổ xuống đất. Khi cây gỗ Mít nài đường kính gốc 85cm ngã làm đổ lây 01 cây gỗ Giẻ trắng (cây số 17 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021). C tiếp tục dùng cưa xăng cắt thân 02 cây gỗ Mít nài thành các lóng dài 2-2,4m. Đ dùng ba lan kéo xoay lóng

gỗ để C cưa xẻ, chốt hộp. Sau đó, Đ phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ để C xẻ hộp các lóng gỗ theo quy cách rộng 30-50cm, dày 10-12cm, dài 2-2,4m. Cả hai làm đến chiều tối cùng ngày thì về nghỉ và sáng ngày hôm sau thì tiếp tục lên rừng cưa xẻ xong 02 cây gỗ Mít nài được khoảng 17-18 hộp gỗ. Sáng hôm sau, C gọi điện thoại cho T và thống nhất giá bán gỗ xẻ chở ra thị trấn N là 12.000.000 Đ/m^3. Tiếp đó, C gọi điện thoại cho Nguyễn Công N2 thuê xe ô tô của N2 chở gỗ ra thị trấn N. C và N2 thống nhất giá vận chuyển là 4.000.000 đồng/chuyến. C nói N2 tối cùng ngày điều khiển xe ô tô đến khu vực Dốc đá ngoài Trạm kiểm lâm Vườn Kon Ka Kinh, C sẽ ra đón. Sau khi nghe C điện thoại thuê xe vận chuyển gỗ, N2 gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu Th1 nói Th1 lên nhà lấy xe vào khu vực Dốc đá chạy cho N2 chuyến chở gỗ, nghe vậy Th1 đồng ý. C tiếp tục gọi điện thoại cho Đinh Đ3 nói Đ3 kiếm cho C mấy người đi kéo gỗ thì Đ3 đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81H7-9036 chở Đ đến làng Đăkjong dẫn Đ3 cùng 04 người Bana trú cùng làng Đăkjong gồm: Đinh Văn H3, Đinh T2, Đinh Th3 và Đinh Ph lên rừng kéo gỗ. Đến nơi, C, Đ cùng nhóm người Bana dùng dây vải do C chuẩn bị kéo gỗ từ gốc xuống bãi tập kết gần đường bê tông. C thống nhất tiền công với nhóm người Bana là 500.000 đồng/người. Cả nhóm kéo đến tối thì xong. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, C ra đường bê tông dẫn xe ô tô, màu sơn trắng, không có biển kiểm soát, đã tháo ghế do Th1 điều khiển vào bãi tập kết gỗ rồi cả nhóm cùng khiêng gỗ lên xe. Sau khi C, Đ cùng nhóm người Bana bốc toàn bộ số hộp gỗ đã xẻ lên xe, Th1 điều khiển xe ô tô chở gỗ ra sau làng HTăng, thị trấn N giấu (địa điểm do C chỉ). Th1 chở 02 chuyến, mỗi chuyến khoảng 1,1m^3 gỗ xẻ thì xong. Ngày hôm sau, C gọi điện thoại cho T đến đo gỗ để bán, sau khi trừ hao hụt được khoảng 2m^3 và tính thành tiền là 24.000.000 đồng. Sau khi trả tiền xe vận chuyển gỗ cho N2 là 8.000.000 đồng; tiền kéo gỗ cho nhóm người Bana là 2.500.000 đồng và các chi phí như xăng nhớt, xích cưa, đồ ăn nước uống, ăn nhậu…là 2.500.000 đồng, C chia cho Đ 5.000.000 đồng còn C giữ 6.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng giữa tháng 11/2020, C gặp Nguyễn Hoàng Ngọc A1 tại thị trấn N và rủ A1 cùng tham gia khai thác gỗ trái phép tại khu vực rừng sau Trạm kiểm lâm Vườn Kon Ka Kinh thì A1 đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày hôm sau, C điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81H7-9036 chở Đ mang theo 01 cưa xăng đi theo đường đất vòng ra sau Trạm kiểm lâm Vườn Kon Ka Kinh lên rừng còn A1 điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81F5-2654 canh đường (canh chừng lực lượng chức năng) tại ngã ba làng K cũ cho C và Đ khai thác gỗ. Khi đi qua khe suối, C và Đ phát hiện 01 cây gỗ Mít nài đường kính gốc 80cm, còn đứng, lá tươi (cây số 15 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021). C dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Mít nài rồi cắt lóng, xẻ hộp theo quy cách như lần trước được khoảng 8-9 hộp gỗ. Đ phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ. C, Đ cưa xẻ cây gỗ này trong 01 ngày thì xong, sau đó đi về nhà. Sáng hôm sau, C gọi điện thoại cho Đ nói Đ kiếm cho C mấy người đi kéo gỗ thì Đ3 gọi thêm 04 người Bana cùng trú tại làng Đăkjong gồm: Đinh Th3, Đinh T2, Đinh T3 và Đinh T4 lên rừng kéo gỗ và thống nhất tiền công 500.000 đồng/người. Khi kéo gỗ xẻ lên dốc cao, C và Đ có sử dụng thêm máy tời do Đ chuẩn bị. Cả bọn kéo gỗ đến bãi tập kết trên bãi đậu trong buổi sáng thì xong. Khoảng 13 giờ cùng ngày, C gọi điện thoại cho N2 thuê xe ô tô 7 chỗ vào chở gỗ. N2 đồng ý và nói tối Th1 điều khiển xe lên rừng thì C gọi điện thoại chỉ đường cho

Th1. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Th1 điều khiển xe ô tô 7 chỗ màu trắng, không có biển kiểm soát, đã tháo ghế theo chỉ dẫn của C qua điện thoại đến bãi tập kết để C, Đ, A1 và nhóm người Bana khiêng hết gỗ xẻ lên xe chở 01 chuyến ra làng HTăng, thị trấn N giấu tại vị trí cũ. Ngày hôm sau, C gọi điện thoại cho T đến đo gỗ được 01m^3 và tính thành tiền là 12.000.000 đồng. Sau khi trả tiền xe vận chuyển gỗ cho Nam là 4.000.000 đồng, tiền kéo gỗ cho nhóm người Bana là 2.500.000 đồng, đưa cho Đ 1.500.000 đồng, C chia đôi số tiền còn lại với Ngọc A1, mỗi người 2.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 4-5 ngày, Phạm Văn Q và Võ Duy Ph gọi điện thoại cho C hỏi có việc gì làm không thì C rủ Q, Ph cùng tham gia khai thác gỗ trái phép tại lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H quản lý kiếm tiền tiêu xài. Nghe vậy, Q và Ph đều đồng ý. C nói Ph cầm thêm 01 cưa xăng và chỉ đường cho Q, Ph theo đường đất sau Trạm Kiểm lâm Vườn Kon Ka Kinh để lên rừng. Ph điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 81H1-196.16 mang theo 01 cưa xăng còn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha không có biển kiểm soát. Trưa cùng ngày, C, Đ, Q và Ph gặp nhau trên rừng còn A1 đi canh đường (canh chừng lực lượng chức năng) tại ngã ba làng K cũ. Cả nhóm phát hiện 02 cây gỗ Mít nài, trong đó 01 cây bị bật gốc (cây số 5 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021), 01 cây hai thân đã bị cắt hạ trước đó (cây số 2 theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/01/2021). C và Ph mỗi người dùng 01 cưa xăng tiến hành cắt lóng, xẻ hộp cây gỗ Mít nài bị bật gốc và 01 thân của cây gỗ Mít nài còn lại theo quy cách cũ. Đ và Q phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ. Trong lúc C đang cưa xẻ gỗ, Ph dùng cưa xăng cắt hạ 01 cây gỗ Mít nài đường kính gốc 72cm, còn đứng, lá tươi (cây số 3 theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/01/2021) và 01 cây gỗ SP5 cạnh cây Mít nài do bị vướng (cây số 4 theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/01/2021). Do cây gỗ Mít nài Ph vừa cắt hạ nằm ở vị trí khó nên C cùng Đ bọn chưa tiến hành cưa xẻ hộp. Đến chiều tối cùng ngày, cả nhóm cưa xẻ xong cây gỗ Mít nài bị bật gốc và 01 thân của cây gỗ Mít nài còn lại được 10 hộp gỗ rồi tất cả về nhà nghỉ. Sáng hôm sau, Anh tiếp tục đi canh đường (canh chừng lực lượng chức năng), C, Đ, Q và Ph tiếp tục lên rừng tìm kiếm cây gỗ để khai thác trái phép thì phát hiện 01 cây gỗ Mít nài đường kính gốc 71cm, còn đứng, lá tươi (cây số 7 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021) gần khe suối, cách vị trí 02 cây gỗ Mít nài khô tầm 200m. C dùng cưa xăng cắt hạ cây gỗ Mít nài đổ xuống đất, cây này ngã làm đổ lây 01 cây gỗ SP5 (cây số 8 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021). C và Ph dùng cưa xăng cắt lóng, xẻ hộp cây gỗ Mít nài trên được 8-9 hộp gỗ theo quy cách cũ. Ngày hôm sau, C cùng Đ, Q, Ph và A1 lên rừng dùng máy tời kéo hết 18-19 hộp gỗ của 03 cây gỗ Mít nài ra bãi tập kết trên bãi đậu. Khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi kéo gỗ xong, C gọi điện thoại cho N2 thuê xe ô tô 7 chỗ chở gỗ xẻ đến khu vực làng K cũ cất giấu với giá 2.000.000 đồng/chuyến thì Nam đồng ý. Vì chi phí chở ra thị trấn N cao nên C gọi điện thoại cho T thống nhất là vào làng K cũ mua gỗ vẫn với giá 12.000.000 đồng/m^3, T đồng ý. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Th1 điều khiển xe ô tô 7 chỗ màu trắng, không có biển kiểm soát, đã tháo ghế đến bãi tập kết để C cùng Đ bọn khiêng gỗ xẻ lên xe chở đến làng K cũ cất giấu (địa điểm do C chỉ). Th1 chở 02 chuyến thì hết số gỗ xẻ trên. Ngày hôm sau, C gọi T đến đo gỗ được khoảng 2,4m^3 và tính thành tiền là 28.000.000 đồng. Sau khi

trả tiền xe cho N2 là 4.000.000 đồng và các chi phí như xăng nhớt, xích cưa, đồ ăn nước uống, ăn nhậu…là 5.000.000 đồng, C chia cho Ph, Q, A1 mỗi người 3.000.000 Đ, chia cho Đ 4.000.000 đồng, còn C giữ 6.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng đầu tháng 12/2020, C cùng Đ, Q, Ph và A1 mang theo 02 cưa xăng tiếp tục lên khu vực rừng trên để khai thác gỗ trái phép. Đến khu vực gần khe suối (vị trí cây gỗ Mít nài mà C đã cắt hạ ở lần khai thác thứ 3), C dùng cưa xăng cắt hạ 02 cây gỗ Mít nài còn đứng, lá tươi, 01 cây đường kính gốc 60cm (cây số 10 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021), 01 cây đường kính gốc 78cm (cây số 9 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021) rồi cùng Ph sử dụng thêm 01 cưa xăng khác tiến hành cắt lóng, xẻ hộp 02 cây gỗ này. Đ, Q và A1 phụ bật mực, bắn lật, kê gỗ. Cả bọn cưa xẻ 02 cây gỗ trong vòng 02 ngày thì xong và được khoảng 15-16 hộp gỗ với quy cách như cũ. Ngoài ra trong 02 ngày này, Ph còn cắt hạ 01 cây gỗ Mít nài đường kính gốc 50cm (cây số 6 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021) nhưng cả bọn chưa xẻ hộp và C có cắt hạ thêm 01 cây gỗ SP5 bị vướng để dễ vận chuyển gỗ (cây số 11 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021). Ngày hôm sau, C cùng Đ, Q, Ph và A1 lên rừng dùng máy tời kéo gỗ ra bãi tập kết. Đến đoạn đường không dùng máy tời được thì C có thuê Đinh Br (tên thường gọi là Ba P) và 04 người Bana (chưa xác minh được nhân thân lai lịch) đang đi rừng để kéo gỗ và trả tiền công cho mỗi người là 200.000 đồng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi kéo gỗ xong, C gọi điện thoại cho N2 thuê xe ô tô 7 chỗ chở gỗ ra làng K cũ cất giấu. Lúc này, Nguyễn Văn Đ5, sinh năm: 1990 và Nguyễn Văn T (em trai của Đ5) cùng trú tại trú tại Tổ dân phố 13, thị trấn N đến mượn máy tời của nhóm C để kéo 03 hộp gỗ Mít nài do nhóm Đ5 tự khai thác trái phép gần đó lên đường đất rồi dùng cưa xăng bổ đôi các hộp gỗ thành 06 hộp. Sau đó, Đ5 thuê nhóm C kéo 06 hộp gỗ xuống bãi tập kết với giá 500.000 đồng/người và bán lại số gỗ trên cho C với giá 2.500.000 đồng, các chi phí khác như kéo, khiêng gỗ, thuê xe ô tô vận chuyển… C chịu trách nhiệm. Đến gần 21 giờ cùng ngày, Th1 điều khiển xe ô tô 7 chỗ màu trắng đến bãi tập kết để C cùng Đ bọn khiêng gỗ lên xe chở đi. Th1 chở 02 chuyến thì hết số gỗ của nhóm C và 06 hộp gỗ Mít nài của Đ5 bán lại cho C ra làng K cũ cất giấu. Tối cùng ngày, C gọi điện thoại cho T đến đo gỗ xẻ của nhóm C khai thác được hơn 02m^3 và tính thành tiền là 25.000.000 Đ. Sau khi trả tiền xe cho N2 là 4.000.000 đồng, các chi phí như xăng nhớt, xích cưa, đồ ăn nước uống, ăn nhậu … là 3.000.000 đồng, C chia cho Đ, Q, A1 mỗi người 3.000.000 đồng còn C và Ph mỗi người 4.000.000 đồng.

Ngày 04/01/2021, các cơ quan chức năng gồm: Hạt kiểm lâm huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Uỷ ban nhân dân xã H và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H đã tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra tại Lô 8, Khoảnh 8, Tiểu khu 137 và Lô 21, Khoảnh 3, Tiểu khu 138 lâm phần do Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý thuộc địa giới hành chính xã H, huyện K, Gia Lai thuộc loại rừng sản xuất, trạng thái rừng thường xanh trung bình (TXB). Qua khám nghiệm hiện trường phát hiện có 22 *(Hai mươi hai)* cây gỗ gồm: Mít nài, Chay, Lim xẹt, Giẻ trắng và SP5 bị khai thác trái phép với tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là: 49,315 m^3. Toàn bộ số cây chặt hạ trái phép bằng phương tiện cưa xăng, cành, nhánh, lá cây đã khô, héo; một số cây lá vẫn còn xanh, mặt cắt gốc chảy

nhựa chưa khô.

Lần lượt các ngày 26/01/2021, 25/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Hạt kiểm lâm huyện K, Công ty TNHH MTV LN H, đại diện chính quyền xã H tiến hành kiểm tra hiện trường theo sự chỉ dẫn của Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Đặng Xuân C tại Lô 8, Khoảnh 8, Tiểu khu 137 và Lô 21, Khoảnh 3, Tiểu khu 138 lâm phần do Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý thuộc địa giới hành chính xã H, huyện K, Gia Lai. Kết quả khám nghiệm, kiểm tra hiện trường xác định: C, Đ, A1, Ph và Q trực tiếp tham gia khai thác trái phép 10 cây gỗ (trong đó 07 cây là cây số 5,6,7,8,9,10,11 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021 và 03 cây là cây số 2,3,4 theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/01/2021) với khối lượng gỗ tròn (chủng loại Mít nài, Sp5) bị thiệt hại là 20,252m^3**.** Ngoài ra, C, Đ, A1 còn khai thác trái phép cây gỗ số 15 (theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021) với khối lượng gỗ tròn (chủng loại Mít nài) bị thiệt hại là 3,491 m^3. C và Đ còn khai thác các cây gỗ số 16,17,18 (theo Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021) với khối lượng gỗ tròn (chủng loại Mít nài, Sp5 và Giẻ trắng) bị thiệt hại là 5,333m^3.

Quá trình điều tra đã tạm giữ công cụ, phương tiện gồm:

+ 12 (mười hai) lóng gỗ tròn, chủng loại Mít nài, Giẻ trắng và SP5 còn lại tại hiện trường với khối lượng là 6,279 m^3. Ngày 23/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã ra Q định xử lý vật chứng số: 6B/QĐXLVC trả lại số gỗ trên cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp H. Công ty TNHH MTV lâm nghiệp H đã nhận lại.

+ 01 (một) lam cưa xăng dài 97 cm; 10 (mười) dây vải gập đôi, có 01 đầu nối dây thừng, có độ dài từ 1,7 đến 1,9 m; 01 (một) hộp giấy loại đựng cưa xăng có ghi nhãn hiệu STIHL M382 bên trong đựng 01 Palăng bằng kim loại; 01 (một) điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 353112110604705; 01 (một) xe mô tô biển số 81H7-9036, nhãn hiệu WAZELET, màu sơn nâu đã qua sử dụng, số máy: FMG001418, Số khung: UM002414; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng kí mô tô, xe máy số 0103929, họ tên chủ xe: Võ Thị H, biển số: 81H7-9036; 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL,vỏ màu đỏ trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) đèn pin đội đầu màu cam do Đặng Xuân C giao nộp. Đây đều là tài sản hợp Ph của Đặng Xuân C.

+ 01 (một) điện thoại di động NOKIA 106, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số IMEI:357680106906561; 01 (một) giấy đăng kí mô tô,xe máy số 0058178, tên chủ xe Hoàng Thị T5, biển số 81F5-2654 và 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 81F5-2654, nhãn hiệu ROAD RUNNING, màu sơn: Nâu, số máy: C100ME0002458, số khung: C100M0002458 do Nguyễn Hoàng Ngọc A1 giao nộp.

+ 01 (một) cưa xăng, nhãn hiệu STIHL, vỏ màu cam trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) xích bằng kim loại, loại dùng cho cưa xăng; 01 (một) dây bật mực; 01 (một) ba lô bằng vải; 01 (một) lam dài 80 cm do chị Hà Thị H5 giao nộp. Đây đều là tài sản hợp Ph của Võ Duy Ph.

+ Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động NOKIA , vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số IMEI: 353423092403515; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, không có biển số, số khung, số máy, tình trạng xe đã cũ, không có phần yếm phía trước do Phạm Văn Q giao nộp.

+ 01 (một) xe ô tô loại 07 chỗ, màu sơn trắng không biển số, bị tháo hàng ghế sau, không xác định được số khung, số máy; 01 (một) điện thoại NOKIA, vỏ màu đen đã qua sử dụng; số IMEI:357678103599348 do Nguyễn Công N2 giao nộp.

Ngoài ra, 01 (một) xe mô tô BKS 81H1-169.16, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu đen xám mà Võ Duy Ph đã sử dụng trong quá trình khai thác gỗ trái phép. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên do Ph mua lại của anh Nguyễn Duy H, sau khi gây án Ph đã bán cho người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) tại thị trấn Đak Pơ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu giữ được vật chứng trên.

+ 01 (một) điện thoại NOKIA loại phím bấm mà Võ Duy Ph sử dụng để liên lạc với đồng bọn, sau khi gây án do bị hư hỏng nên Ph đã vứt đi. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện K không thu giữ được vật chứng trên.

+ 01 (một) thước kéo của C; 04 đèn pin đội đầu của A1, Ph, Q và Đ; 01 (một) điện thoại di động NOKIA loại phím bấm của Đ đã bị thất lạc nên không thu giữ được.

+ 01 (một) máy tời gỗ của Lê Đình Đ, sau khi gây án đã bị hư nên Đ đã bán cho 01 người phụ nữ thu mua phế liệu (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thu giữ được.

+ Đối với số gỗ xẻ do C cùng Đ phạm khai thác trái phép đã được bán cho đối tượng T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K chưa thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐG ngày 18/01/2021, bản kết luận định giá số 07/KL-HĐĐG ngày 15/3/2021 của Hội Đ định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự Huyện K và Bản kết luận giám định tư pháp ngày 10/5/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Gia Lai đã xác định:

- Giá trị thiệt hại của **20,252m^3** gỗ tròn (10 cây gỗ chủng loại Mít nài, SP5) tại thời điểm tháng 01/2021 là: **37.841.476** đồng (*ba mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng*);

- Giá trị còn lại của **4,845m^3** gỗ tròn (10 cây gỗ chủng loại Mít nài, SP5) là: **7.903.958** đồng (*bảy triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng*);

- Giá trị thiệt hại của **3,491m^3** (01 cây gỗ, chủng loại Mít nài) tại thời điểm tháng 01/2021 là: **6.982.000** đồng (*sáu triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn đồng*);

- Giá trị còn lại của **0,596 m^3** gỗ tròn (01 cây gỗ, chủng loại Mít nài) tại thời điểm tháng 01/2021 là **1.192.000** đồng (*một triệu, một trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

- Giá trị thiệt hại của **5,333 m^3** gỗ tròn (03 cây gỗ, chủng loại Mít nài và Giẻ trắng) tại thời điểm tháng 01/2021 là: **8.659.600** đồng (*tám triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm đồng*);

- Giá trị còn lại của **0,838 m^3** gỗ tròn (03 cây gỗ, chủng loại Mít nài và Giẻ trắng) tại thời điểm tháng 01/2021 là: **580.400** đồng (*năm trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng*.

- Giá trị phải bồi thường đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên của 08 cây gỗ (08 cây theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 26/01/2021 trừ cây số 02, 05), chủng loại: Mít nài, Sp5, có khối lượng **16,642 m^3** gỗ tròn tại thời điểm tháng 01/2021 là: **91.864.428** đồng (*chín mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm hai*

mươi tám đồng).

- Giá trị phải bồi thường đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên của 3,491 m^3 gỗ tròn (01 cây gỗ, chủng loại Mít nài) tại thời điểm tháng 01/2021 là: **20.946.000** đồng (*hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

- Giá trị phải bồi thường đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên của 5,333m^3 gỗ tròn (03 cây gỗ, chủng loại Mít nài và Giẻ trắng) tại thời điểm tháng 01/2021 là: **25.978.800** đồng (*hai mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 01/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 về tội: ***"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phạm tội: ***"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".***

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1;

Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 và Phạm Văn Q;

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đặng Xuân C và Nguyễn Hoàng Ngọc A1;

Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Đình Đ;

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Đặng Xuân C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù giam;

Bị cáo Lê Đình Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt với 10 tháng tù về tội **"*Trộm cắp tài sản*"** tại Bản án số 11/2019/HSST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai thành hình phạt chung là từ 03 năm 10 tháng tù đến 04 năm 04 tháng tù giam;

Bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù giam.

Bị cáo Võ Duy Ph từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù giam.

Bị cáo Phạm Văn Q từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù giam.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật

Dân sự và Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản và môi trường rừng cho Nhà nước, mức bồi thường của từng bị cáo xem xét dựa vào vị trí, vai trò được chia theo phần trách nhiệm bồi thường tương ứng với mức độ lỗi của từng bị cáo.

Đề nghị buộc nộp số tiền thu lợi bất chính vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Nguyễn Công N2 phải nộp 20.000.000 Đ; Đinh Đ3 và Đinh T2 mỗi người phải nộp 1.000.000 Đ; Đinh Văn H3; Đinh Ph; Đinh T4; Đinh T3 mỗi người phải nộp 500.000 Đ; Đinh Br phải nộp 200.000 Đ.

Đối với Đinh T2 là người chưa thành niên, nếu Đinh T2 không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ là ông Đinh Bl và bà Đinh Y D phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với Đinh Văn H3 là người chưa thành niên, nếu Đinh Văn H3 không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ là ông Đinh L1 và bà Đinh D1 phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000 Đ do Nguyễn Văn Đ5 trả cho Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Phạm Văn Q, Võ Duy Ph, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 mỗi người 500.000 đồng để vận chuyển gỗ cho Đ5, đã được xử lý xong trong vụ án khác nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số gỗ vật chứng là 6,279 m^3 chủng loại Mít nài, Giẻ trắng và SP5 thu giữ tại hiện trường đã được chuyển trả lại cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp H làm thủ tục bán sung ngân sách Nhà nước nên không xem xét giải quyết.

- Đề nghị tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước đối với các vật chứng:

+ 01 (một) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, không có lam cưa, vỏ màu đỏ trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, không có lam cưa, vỏ màu cam trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) xe mô tô biển số 81H7- 9036, nhãn hiệu WAZELET, màu sơn nâu, loại xe nữ, dung tích xi lanh: 97cm^3, số máy FMG001418, số khung UM002414, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0103929, họ tên chủ xe: Võ Thị H, biển số: 81H7-9036;

- Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng không còn giá trị sử dụng:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số Imel: 353423092403515;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imel 1: 353112110604705, số Imel 2: 353112115604700;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 106, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imel1: 357680106906561, số Imel2: 357680107906560;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imel: 357678103599348;

+ 02 (hai) lam cưa xăng (01 lam dài 80cm, 01 lam dài 97cm);

+ 10 (mười) dây vải gập đôi (có một đầu nối dây thừng, có độ dài từ 1,7 đến 1,9m);

+ 01 (một) hộp giấy trống, loại đựng cưa xăng bên ngoài có ghi nhãn hiệu STIHL M382;

+ 01 Palăng bằng kim loại;

+ 01 (một) dây xích bằng kim loại, loại dùng cho cưa xăng;

+ 01 (một) dây bật mực;

+ 01 (một) ba lô bằng vải;

+ 01 (một) đèn pin đội đầu màu cam;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, không có biển số, không có số khung và số máy, không có phần yếm trước, không có bửng chắn gió hai bên, tình trạng xe đã cũ và hư hỏng nhiều;

- Đề nghị tuyên trả: 01 (một) xe mô tô biển số 81F5-2654, nhãn hiệu ROAD RUNNING, màu sơn nâu, loại xe nữ, dung tích xi lanh: 97cm^3, số máy C100ME0002458, số khung C100M0002458, xe cũ đã qua sử dụng và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0058178, họ tên chủ xe: Hoàng Thị T5, biển số: 81F5-2654 cho bà Hoàng Thị T5;

Về án phí: Buộc các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu để được xem xét và không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu, không tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo đã nhận ra lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI Đ XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp Ph.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có đủ cơ sở để xác định rằng:

Các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Song do cố ý mà vi phạm, các bị cáo đã khai thác gỗ trái phép tại Lô 8, Khoảnh 8, Tiểu khu 137 và Lô 21, Khoảnh 3, Tiểu khu 138 Lâm phần do Công ty

TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý thuộc địa giới hành chính xã H, Huyện K, cụ thể: Lần thứ nhất: Vào đầu tháng 11/2020, Đặng Xuân C cùng Lê Đình Đ đã cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ (02 cây Mít Nài nhóm VI và 01 cây Giẻ trắng nhóm V thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, gây thiệt hại về gỗ có khối lượng **5.333m^3**, quy thành tiền là: **8.659.600** Đ, thiệt hại phải bồi thường về rừng tự nhiên là rừng sản xuất là **25.978.800** Đ. Lần thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 11/2020, Đặng Xuân C, Lê Đình Đ và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Mít Nài nhóm VI thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, gây thiệt hại về gỗ có khối lượng **3,491m^3**, quy thành tiền là: **6.982.000** Đ, thiệt hại phải bồi thường về rừng tự nhiên là rừng sản xuất là **20.946.000** Đ. Lần thứ ba là cách lần thứ hai khoảng 4-5 ngày và lần thứ tư là khoảng đầu tháng 12/2020, Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã cùng thực hiện hành vi khai thác trái phép 10 cây gỗ (07 cây gỗ Mít Nài nhóm VI và 03 cây gỗ SP5 nhóm V) thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, gây thiệt hại về gỗ có khối lượng **20.252m^3**, quy thành tiền là: **37.841.476** Đ, thiệt hại phải bồi thường về rừng tự nhiên là rừng sản xuất là **91.864.428** Đ

Như vậy, các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 14 cây gỗ (10 cây gỗ Mít nài nhóm VI, 03 cây SP5 và 01 cây Giẻ trắng nhóm V) thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thiệt hại có khối lượng là **29,076m^3**; bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 11 cây gỗ (08 cây gỗ Mít nài nhóm VI, 03 cây SP5 nhóm V) thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên là **23,743m^3;** các bị cáo Võ Duy Ph và Phạm Văn Q đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 10 cây gỗ (07 cây gỗ Mít nài nhóm VI, 03 cây SP5 nhóm V) thuộc rừng sản xuất là rừng tự nhiên là **20,252m^3**. Hành vi nêu trên các bị cáo đã phạm vào tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Huyện K là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng Ph luật.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án được xác định như sau:

Các bị cáo là Đ phạm với nhau trong vụ án, trong đó: Bị cáo Đặng Xuân C là người giữ vai trò chính, trực tiếp khởi xướng, bàn bạc và thỏa thuận với các bị cáo Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 tham gia khai thác gỗ trái phép; chuẩn bị công cụ phương tiện, trực tiếp cắt hạ, xẻ gỗ, thuê người vận chuyển, tìm người bán gỗ, trực tiếp nhận tiền bán gỗ và chia cho các bị cáo. Các bị cáo Lê Đình Đ, Võ Duy Ph tham gia với vai trò thực hành tích cực, phụ giúp C trong việc xẻ hộp, bật mực, bắn lật, kê gỗ; bị cáo Đ còn chuẩn bị máy tời và trong quá trình điều tra bị cáo Đ đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, dẫn đến vụ án bị kéo dài; bị cáo Ph chuẩn bị công cụ là cưa xăng và trực tiếp cắt hạ cây. Bị cáo Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 tham gia là Đ phạm giúp sức, trực tiếp phụ giúp xẻ hộp, bật mực, bắn lật, kê gỗ, vận chuyển; bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 làm nhiệm vụ cảnh giới, canh đường (canh chừng lực lượng chức năng) cho các bị cáo khác thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép. Các bị cáo đều được ăn chia tiền từ việc bán gỗ.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đặng

Xuân C, Võ Duy Ph và Phạm Văn Q đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội và phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 có nhân thân xấu vì đã bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng cải tại không giam giữ về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo bản án số: 10/2013/HSST ngày 04/4/2013, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích.

Bị cáo Lê Đình Đ phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Đình Đ có 01 tiền án về tội "*Trộm cắp tài sản*", ngày 09/5/2019 bị Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/5/2019) tại Bản án số: 11/2019/HSST ngày 09/5/2019, bị cáo Đ chỉ mới chấp hành được hơn 18 tháng thử thách mà đã phạm tội mới nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội Đ phạm giản đơn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà Hội Đ xét xử xem xét áp dụng đối với tất cả các bị cáo. Bị cáo Đặng Xuân C và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 khi nhận thức được hành vi phạm tội đã ra đầu thú, nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà Hội Đ xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo C và Anh. Các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 và Phạm Văn Q đã bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Sau khi xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội Đ xét xử thấy rằng: Các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm Ph luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường Ph luật, muốn kiếm tiền để tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã phạm tội. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và xâm phạm đến trật tự quản lý về kinh tế và quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xa hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người lương thiện và nâng cao hiệu quả phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội Đ xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi tham gia vận chuyển gỗ xẻ của Đ, Q, Ph, A1, Th1, N2 được Nguyễn Văn Đ5 cùng Đ phạm khai thác trái phép thuê do không đủ định lượng về hành vi vận chuyển gỗ và các đối tượng trên chưa bị xử phạt hành chính;

chưa bị kết án hoặc đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích về hành vi khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán gỗ, các loại thực vật rừng theo quy định tai Điều 232 Bộ luật hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C, Đ, Q, Ph, Ngọc A1, Th1, N2 và chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm Huyện K để xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Liên quan trong vụ án có Nguyễn Văn Đ5 và Nguyễn Văn T có hành vi khai thác gỗ trái phép và bán 06 hộp gỗ cho Đặng Xuân C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đức, Tâm trong một vụ án khác và đã được Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử về hành vi vi phạm pháp luật này tại Bản án số 15/2021/HSST ngày 12/8/2021 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Hữu Th1, Nguyễn Công N2, Đinh Đ3, Đinh T3, Đinh T2, Đinh Th3, Đinh Ph, Đinh Văn H3, Đinh T4, Đinh Br là các đối tượng tham gia vận chuyển gỗ xẻ do C cùng Đ phạm khai thác trái phép. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định C chỉ thuê các đối tượng trên vận chuyển gỗ sau khi đã cắt hạ, cưa xẻ xong cây gỗ mà không trao đổi, bàn bạc hay thỏa thuận trước về việc khai thác trái phép 14 cây gỗ (gồm 10 cây Mít nài, 01 Giẻ trắng, 03 cây SP5). Mặt khác, khối lượng gỗ do các đối tượng trên vận chuyển không đủ định lượng và các đối tượng trên chưa bị xử phạt hành chính; chưa bị kết án hoặc đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích về hành vi khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán gỗ, các loại thực vật rừng theo quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Th1, N2, Đ3, Tao, Tưi, Thuyết, Phiu, Tíu, Br là có căn cứ và chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm Huyện K để xử phạt vi phạm hành chính các đối tượng về hành vi vận chuyển lâm sản trái Ph luật là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với Đinh Văn H3, sinh năm 2007 tại thời điểm vận chuyển gỗ trái phép cho C thì H3 chưa đủ 14 tuổi nên không đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với H3. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Nguyễn Hữu Th1, Nguyễn Công N2, Đinh Đ3, Đinh T3, Đinh T2, Đinh Th3, Đinh Ph, Đinh Văn H3, Đinh T4, Đinh Br là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với 01 (một) xe ô tô loại 07 chỗ, màu sơn trắng không biển số, bị tháo hàng ghế sau, không xác định được số khung, số máy; 01 (một) điện thoại NOKIA, vỏ màu đen đã qua sử dụng; số IMEI:357678103599348 do Nguyễn Công N2 giao nộp, không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã chuyển đến Hạt kiểm lâm Huyện K để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên T (chưa rõ nhân thân, lai lịch theo khai nhận của C) là người mua gỗ xẻ do nhóm C khai thác trái phép và 04 người Ba na tham gia vận chuyển gỗ xẻ *(lần thứ 4)* do C cùng Đ phạm khai thác trái phép. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của các đối tượng này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Vì vậy, Hội Đ xét xử không xem xét giải Q.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 04/01/2021 và kết quả kiểm tra

hiện trường ngày 26/01/2021 vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra tại tại Lô 8, Khoảnh 8, Tiểu khu 137 và Lô 21, Khoảnh 3, Tiểu khu 138 Lâm phần do Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý thuộc địa giới hành chính xã H, Huyện K phát hiện có 25 (*hai mươi lăm*) cây gỗ gồm Mít nài, Giẻ trắng và SP5 bị khai thác trái phép, tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại là 56,453 m^3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã chứng minh nhóm của C cùng Đ phạm chỉ khai thác 14 cây gỗ, còn 11 cây gỗ còn lại có khối lượng 25,695 m^3, đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K chưa xác định được đối tượng nào khai thác nên vụ án đang tiếp tục điều tra làm rõ và sẽ xử lý sau. Vì vậy, Hội Đ xét xử không xem xét giải Q.

Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của cán bộ bảo vệ rừng trực tiếp quản lý tiểu khu 137 và 138, lâm phần do Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý để xảy ra việc khai thác trái phép 25 cây gỗ với tổng khối lượng 56,543m^3; ngày 20/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã khởi tố vụ án về tội: ***"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*** theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vụ án đang được điều tra theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với bà Hoàng Thị T5, là chủ sở hữu của 01 (một) xe mô tô biển số 81F5-2654 mà Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã sử dụng để thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép, việc bị cáo A1 sử dụng xe mô tô trên thì bà Th5 không biết, không được trao đổi, bàn bạc cũng như hưởng lợi gì, nên bà Th5 không liên quan gì đến hành vi phạm tội của A1. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Hoàng Thị T5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với anh Phan Tấn H là Trạm trưởng trạm bảo vệ rừng số 3, quản lý các tiểu khu 107, 108, 109 lâm phần do Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp H quản lý đã để cho xe ô tô của nhóm C vận chuyển gỗ từ trên rừng qua Trạm bảo vệ rừng số 3 về thị trấn N thực hiện trót lọt nhiều lần. Nguyên nhân là do từ tháng 10/2020 đến tháng 01/2021 tại Trạm bảo vệ rừng số 3 đang xây dựng nhà bếp nên đã cắt hệ thống camera; nhiệm vụ của nhân viên bảo về rừng là bảo vệ rừng tại gốc nên thường xuyên đi kiểm tra trong rừng, chỉ cử lại một nhân viên để trực chốt hơn nữa rào chắn để kiểm tra phương tiện lưu thông qua trạm đã được tháo dỡ nên khó kiểm soát được các phương tiện qua lại. Hơn nữa, đường đất bên hông Trạm lên hiện trường vụ án là đường dân sinh nên có rất nhiều phương tiện qua lại nên bị mất cảnh giác và không phát hiện được xe ô tô của nhóm C vận chuyển gỗ qua. Anh H do lơ là, mất cảnh giác nên để xảy ra sự việc trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định Phan Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với chị Hà Thị H5 là chủ nhà nơi Ph để nhờ 01 ba lô vải bên trong cất giấu công cụ phương tiện để khai thác gỗ trái phép, nhưng xét thấy chị H5 không biết, không liên quan hay được bàn bạc gì trong việc nhóm C khai thác trái phép gỗ và chị H5 đã giao nộp toàn bộ những vật chứng liên quan đến vụ án để phục vụ điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K không đề nghị xem xét xử lý hình sự đối với chị Hoa là đúng quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định chị Hà Thị H5 tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với anh Lê Trung H và chị Nguyễn Thị Hải Y là chủ nhà nơi Đ khai để máy tời bên hông quán tạp hóa của vợ chồng Hoàn Yến. Tuy nhiên xét thấy anh H, chị Y không biết, không được bàn bạc, thỏa thuận về việc cất giấu máy tời trong

việc nhóm C khai thác gỗ trái phép, Đ cất giấu máy tời vào ban đêm nên anh H, chị Y không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện K không đề nghị xem xét xử lý hình sự đối với anh H, chị Y là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Xuân C và Lê Đình Đ đã khai thác 03 cây gỗ (02 cây gỗ Mít nài và 01 cây Giẻ trắng), gây thiệt hại về lâm sản là **5.333** m^3 gỗ tròn, Trị giá quy thành tiền là: **8.659.600** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại tại hiện trường thì giá trị thiệt hại về lâm sản còn lại là **8.079.200** đồng; gây thiệt hại về giá trị rừng sản xuất là rừng tự nhiên phải bồi thường là: **25.978.800** đồng, tổng giá trị thiệt hại là **34.058.000** đồng. Các bị cáo là Đ phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường cho Nhà nước, trong đó bị cáo C giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 60% giá trị thiệt hại; bị cáo Lê Đình Đ phải bồi thường tương ứng với 40% giá trị thiệt hại, cụ thể: Bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường là **20.434.800** đồng, được trừ 3.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là **17.434.800** đồng; bị cáo Lê Đình Đ phải bồi thường là **13.623.200** đồng**,** được trừ 2.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là **11.623.200** đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã khai thác 01 cây gỗ Mít nài, gây thiệt hại về lâm sản là **3.491** m^3 gỗ tròn, Tr giá quy thành tiền là: **6.982.000** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại tại hiện trường thì giá Tr thiệt hại về lâm sản còn lại là **5.790.000** đồng; gây thiệt hại về giá Tr rừng sản xuất là rừng tự nhiên phải bồi thường là: **20.946.000** đồng , tổng giá trị thiệt hại là **26.736.000** đồng. Các bị cáo là Đ phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường cho Nhà nước, trong đó bị cáo C giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 40% giá Tr thiệt hại; bị cáo Đ và Anh mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 30% giá Tr thiệt hại, cụ thể: Bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường là **10.694.400** đồng; bị cáo Lê Đình Đ phải bồi thường là **8.020.800** đồng và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải bồi thường là **8.020.800** đồng, được trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là **3.020.800** đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 đã khai thác 10 cây gỗ (07 cây gỗ Mít nài và 03 cây SP5, gây thiệt hại về lâm sản là **20,252** m^3 gỗ tròn, Trị giá quy thành tiền là: **37.841.476** đồng, sau khi trừ đi số lượng gỗ còn lại tại hiện trường thì giá Tr thiệt hại về lâm sản còn lại là **29.577.518** đồng; gây thiệt hại về giá trị rừng sản xuất là rừng tự nhiên phải bồi thường là: **91.864.428** Đ, tổng giá trị thiệt hại là **121.441.946** Đ. Các bị cáo là Đ phạm với nhau nên phải có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường cho Nhà nước, trong đó bị cáo C giữ vai trò đầu vụ nên phải bồi thường tương ứng với 30% giá trị thiệt hại; bị cáo Đ và Ph mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 20% giá trị thiệt hại; các bị cáo Q và A1 mỗi bị cáo phải bồi thường tương ứng với 15% giá trị thiệt hại, cụ thể: Bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường là **36.432.588** Đ; bị cáo Lê Đình Đ và Võ Duy Ph mỗi bị cáo phải bồi thường là **24.288.388** Đ; bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải bồi thường **18.216.291** Đ; bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường là **18.216.291** Đ,

được trừ 2.000.000 Đ bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là **16.216.291** Đ.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc vận chuyển gỗ cần tuyên buộc nộp truy thu sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Nguyễn Công N2 phải nộp 20.000.000 Đ; Đinh Đ3, Đinh T2 mỗi người phải nộp 1.000.000 Đ; Đinh Văn H3, Đinh Ph, Đinh T3, Đinh T4 mỗi người phải nộp 500.000 Đ; Đinh Br phải nộp 200.000 Đ.

Đối với Đinh T2 là người chưa thành niên, nếu Đinh T2 không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ là ông Đinh Bl và bà Đinh Y Dang phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với Đinh Văn H3 là người chưa thành niên, nếu Đinh Văn H3 không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ là ông Đinh L1 và bà Đinh D1 phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với Đinh Th3 là những người được C thuê để vận chuyển gỗ và nhận tiền công là 1.000.000 Đ (theo lời khai của C); tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã xác minh hiện Thuyết không có mặt tại địa bàn xã H và không biết đi đâu? Nên không làm việc, lấy lời khai được với Thuyết để xác định Thuyết có nhận được tiền công từ C không. Vì vậy, Hội Đ xét xử không xem xét giải Q.

Đối với nhóm người Bana đang đi rừng *(C thuê kéo gỗ ra bãi tập kết trong lần thứ 4 khai thác)* do C không biết tên, tuổi của những người đó nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện K không xác minh được nhân thân lai lịch và không làm việc, lấy lời khai được với 04 người Bana này để xác định họ có nhận được tiền công từ C không. Vì vậy, Hội Đ xét xử không xem xét giải Q.

Đối với số tiền thu lợi bất chính là 2.500.000 Đ do Nguyễn Văn Đ5 trả cho Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Phạm Văn Q, Võ Duy Ph, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 mỗi người 500.000 Đ để vận chuyển gỗ cho Đức, đã được xử lý xong tại Bản án số 15/2021/HSST ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai, nên Hội Đ xét xử không xem xét giải Q.

Đối với số tiền **12.000.000** Đ (*mười hai triệu Đ)* mà các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Nguyễn Hoàng Ngọc A1, Phạm Văn Q bồi thường để khắc phục hậu quả cần tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số gỗ vật chứng là 6,279 m^3 chủng loại Mít nài, Giẻ trắng và SP5 thu giữ tại hiện trường đã được chuyển trả lại cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp H làm thủ tục bán sung ngân sách Nhà nước nên không xem xét giải Q.

- Đối với các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội còn giá Tr sử dụng thì cần tuyên tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:

01 (một) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, không có lam cưa, vỏ màu đỏ trắng, đã qua sử dụng;

01 (một) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, không có lam cưa, vỏ màu cam trắng, đã qua sử dụng;

01 (một) xe mô tô biển số 81H7- 9036, nhãn hiệu WAZELET, màu sơn nâu, loại xe nữ, dung tích xi lanh: 97cm^3, số máy FMG001418, số khung UM002414, xe cũ đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số

0103929, họ tên chủ xe: Võ Thị Hoa, biển số: 81H7-9036;

- Đối với các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá Tr sử dụng thì cần tuyên tịch tiêu hủy: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số Imel: 353423092403515; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imel 1: 353112110604705, số Imel 2: 353112115604700; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 106, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imel1: 357680106906561, số Imel2: 357680107906560; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imel: 357678103599348; 02 (hai) lam cưa xăng (01 lam dài 80cm, 01 lam dài 97cm); 10 (mười) dây vải gập đôi (có một đầu nối dây thừng, có độ dài từ 1,7 đến 1,9m); 01 (một) hộp giấy trống, loại đựng cưa xăng bên ngoài có ghi nhãn hiệu STIHL M382; 01 Palăng bằng kim loại; 01 (một) dây xích bằng kim loại, loại dùng cho cưa xăng; 01 (một) dây bật mực; 01 (một) ba lô bằng vải; 01 (một) đèn pin đội đầu màu cam; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, không có biển số, không có số khung và số máy, không có phần yếm trước, không có bửng chắn gió hai bên, tình trạng xe đã cũ và hư hỏng nhiều;

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 81F5-2654, nhãn hiệu ROAD RUNNING, màu sơn nâu, loại xe nữ, dung tích xi lanh: 97cm^3, số máy C100ME0002458, số khung C100M0002458, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0058178, họ tên chủ xe: Hoàng Thị T5, biển số: 81F5-2654, đều là tài sản hợp Ph của bà Hoàng Thị T5, bà Thao không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và có yêu cầu xin nhận lại tài sản nên cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu bà Hoàng Thị T5.

[10] Đối với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện K là phù hợp với quan điểm của Hội Đ xét xử, do vậy được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của Ph luật.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phạm tội: *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

[2] Về điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1;

Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Nguyễn Hoàng Ngọc A1 và Phạm Văn Q;

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đặng Xuân C và Nguyễn Hoàng Ngọc A1;

Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56, khoản 5 Điều 65

của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 7 của Nghị Q 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội Đ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Lê Đình Đ;

Áp dụng khoản 1 điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[3] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân C **03** *(ba)* năm **06** *(sáu)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 24/02/2021).

Xử phạt bị cáo Lê Đình Đ **03** *(ba)* năm **03** tháng tù, tổng hợp hình phạt với **10** *(mười)* tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại Bản án số 11/2019/HSST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Huyện K thành hình phạt chung là **04** *(bốn)* năm **01** *(một)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 25/8/2021). Trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 **02** *(hai)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 11/3/2021).

Xử phạt bị cáo Võ Duy Ph **02** *(hai)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 25/01/2021).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q **02** *(hai)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ chuyển tạm giam (ngày 25/01/2021).

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo Đặng Xuân C và Lê Đình Đ phải liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền là **34.058.000** Đ, cụ thể: Bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường là 20.434.800 Đ, được trừ 3.000.000 Đ bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 17.434.800 Đ; bị cáo Lê Đình Đ phải bồi thường là 13.623.200 Đ, được trừ 2.000.000 Đ bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 11.623.200 Đ.

- Buộc các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền là **26.736.000** Đ, cụ thể: Bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường là 10.694.400 Đ; bị cáo Lê Đình Đ phải bồi thường là 8.020.800 Đ và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải bồi thường là 8.020.800 Đ, được trừ 5.000.000 Đ bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 3.020.800 Đ.

- Buộc các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền là **121.441.946** Đ, cụ thể: Bị cáo Đặng Xuân C phải bồi thường là 36.432.588 Đ; bị cáo Lê Đình Đ và Võ Duy Ph mỗi bị cáo phải bồi thường là 24.288.388 Đ; bị cáo

Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải bồi thường 18.216.291 Đ; bị cáo Phạm Văn Q phải bồi thường là 18.216.291 Đ, được trừ 2.000.000 Đ bị cáo đã bồi thường trước đó nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 16.216.291 Đ.

Tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền **12.000.000** Đ (*mười hai triệu Đ*) theo Biên lai thu tiền số 0002754 ngày 15/11/2021; các biên lai thu tiền số 0002755 và 0002756 ngày 23/11/2021; biên lai thu tiền số 0002758 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Buộc nộp truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: Nguyễn Công N2 phải nộp 20.000.000 Đ; Đinh Đ3, Đinh T2 mỗi người phải nộp 1.000.000 Đ; Đinh Văn H3, Đinh Ph, Đinh T3, Đinh T4 mỗi người phải nộp 500.000 Đ; Đinh Br phải nộp 200.000 Đ.

Đối với Đinh T2 là người chưa thành niên, nếu Đinh T2 không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ là ông Đinh Bl và bà Đinh Y Dang phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với Đinh Văn H3 là người chưa thành niên, nếu Đinh Văn H3 không đủ tài sản để bồi thường thì cha mẹ là ông Đinh L1 và bà Đinh D1 phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực Ph luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Q định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi các bị cáo thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, không có lam cưa, vỏ màu đỏ trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cưa xăng nhãn hiệu STIHL, không có lam cưa, vỏ màu cam trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) xe mô tô biển số 81H7- 9036, nhãn hiệu WAZELET, màu sơn nâu, loại xe nữ, dung tích xi lanh: 97cm^3, số máy FMG001418, số khung UM002414, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0103929, họ tên chủ xe: Võ Thị Hoa, biển số: 81H7-9036;

Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu xanh đã qua sử dụng, số Imel: 353423092403515;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imel 1: 353112110604705, số Imel 2: 353112115604700;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 106, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số Imel1: 357680106906561, số Imel2: 357680107906560; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số Imel: 357678103599348;

- 02 (hai) lam cưa xăng (01 lam dài 80cm, 01 lam dài 97cm);

-10 (mười) dây vải gập đôi (có một đầu nối dây thừng, có độ dài từ 1,7 đến 1,9m);

- 01 (một) hộp giấy trống, loại đựng cưa xăng bên ngoài có ghi nhãn hiệu STIHL M382;

- 01 Palăng bằng kim loại;

- 01 (một) dây xích bằng kim loại, loại dùng cho cưa xăng;

- 01 (một) dây bật mực; 01 (một) ba lô bằng vải; 01 (một) đèn pin đội đầu màu cam;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, không có biển số, không có số khung và số máy, không có phần yếm trước, không có bửng chắn gió hai bên, tình trạng xe đã cũ và hư hỏng nhiều;

Tuyên trả lại cho bà Hoàng Thị T5 01 (một) xe mô tô biển số 81F5-2654, nhãn hiệu ROAD RUNNING, màu sơn nâu, loại xe nữ, dung tích xi lanh: 97cm^3, số máy C100ME0002458, số khung C100M0002458, xe cũ đã qua sử dụng; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0058178, họ tên chủ xe: Hoàng Thị T5, biển số: 81F5-2654;

(Đặc điểm cụ thể của vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/8/2021 giữa Công an Huyện K, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện K, tỉnh Gia Lai).

[6] Về án phí:

Buộc các bị cáo Đặng Xuân C, Lê Đình Đ, Võ Duy Ph, Phạm Văn Q và Nguyễn Hoàng Ngọc A1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 Đ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đặng Xuân C phải chịu 3.228.089 Đ (*ba triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, không trăm tám mươi chín Đ*); bị cáo Lê Đình Đ phải chịu 2.196.619 Đ (*hai triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm mười chín Đ*), bị cáo Võ Duy Ph phải chịu 1.214.419 Đ (*một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, bốn trăm mười chín Đ*); bị cáo Nguyễn Hoàng Ngọc A1 phải chịu 1.061.854 Đ *(một triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, tám trăm năm bốn Đ)* và bị cáo Phạm Văn Q phải chịu 810.814 Đ *(tám trăm mười nghìn, tám trăm mười bốn Đ)* án phí Dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Huyện K;
- Công an Huyện K;
- Các bị cáo;
- Bị hại;

TM.HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS Huyện K;
(khi án có HLPL);
- Lưu HSVA,VPTA.

Bùi Thị Ngọc